

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **128/2024/HS-ST**
Ngày 25 - 11 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Nga, bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Ấn – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 25 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đinh Thị H; Sinh ngày 16/10/1981, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Số H đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Kiểm sát viên; Trình độ học vấn: 12/12; Là Đảng viên Đ1 (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 180-QĐ/UBKT ngày 28/11/2023 của Ủy ban kiểm tra Thành ủy B4); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đinh Văn P và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); Có chồng là: Nguyễn Trọng H1 (đã ly hôn); Có 02 con, sinh năm 2006 và 2010; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2023 đến ngày 06/11/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh đến nay – *Có mặt tại phiên tòa.*

2. Họ và tên: Đinh Thị H2; Sinh ngày 11/12/1975, tại tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đinh Văn P và bà Nguyễn Thị L (đều đã chết); Có chồng là: Lê Phú H3; Có 02 con, sinh năm 2002 và 2008; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2023 đến ngày 06/11/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho Bảo lãnh đến nay – *Có mặt tại phiên tòa.*

*** Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị H:** Luật sư Văn H4 và Luật sư Đặng Thanh Q, thuộc Công ty L5, Đoàn luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Nhà A, Nhà ở xã hội, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Có mặt, tuyên án vắng mặt.*

*** Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị H2:** Luật sư Đặng Ngọc H5, thuộc Văn phòng L6, Đoàn luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: Số E T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Có mặt, tuyên án vắng mặt.*

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Bùi Thị Hồng V, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số H đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Có mặt, tuyên án vắng mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V: Luật sư Nguyễn Tuấn K và Luật sư Phạm Tiến B, thuộc Công ty L7- chi nhánh S. Địa chỉ: Số F đường P, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – *Có mặt, tuyên án vắng mặt.*

2. Ông Trần Duy K1, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số H đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Có đơn xin vắng mặt.*

3. Ông Thái Hữu H6, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số F đường C, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ hiện nay: Số D đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Có đơn xin vắng mặt.*

4. Bà Đinh Thị H7, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Vắng mặt.*

5. Bà Đinh Thị H8, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số D đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – *Vắng mặt.*

*** Người làm chứng:**

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số H đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Y L Byă, sinh năm 1987; Địa chỉ: Buôn Đ, xã C, huyện M'D, tỉnh Đắk Lắk.

3. Ông Y P Kbuôr, sinh năm 1970; Địa chỉ: Buôn B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

4. Bà Lại Thị L1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A đường G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Có đơn xin vắng mặt).

5. Ông Lê Phú H3, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số A đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

6. Ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số H đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

7. Bà Trần Thị Xuân Linh B2, sinh năm 1981; Địa chỉ: Buôn A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

8. Ông Trần Duy Đ, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

9. Ông Võ Thái B3, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

10. Bà Hoàng Phong L2, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn E, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

11. Bà Đinh Thị Mỹ H9, sinh năm 1997; Địa chỉ: 1 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

12. Bà H MC Niê, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số A đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

13. Ông Đinh Quang T1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số A đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

14. Bà Đinh Thị K3, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số I đường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

15. Bà Hồ Thị Mỹ H10, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

16. Ông Trịnh Quốc H11, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số B đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

17. Bà Đỗ Thị Kim A, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số A đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

18. Bà Lê Thị N1, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số A đường M, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

19. Ông Cao Hữu H12, sinh năm 1981; Địa chỉ: Số C đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

20. Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn B, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2017 đến tháng 11/2020, bà Bùi Thị Hồng V đã vay của Đinh Thị H2, Đinh Thị H là hai chị em ruột, 14 khoản vay với tổng số tiền là 4.995.000.000 đồng. Lãi suất cho vay từ 2.000 đồng đến 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tùy theo từng khoản vay. Thời hạn trả lãi suất theo từng tháng, thời hạn trả tiền vay gốc là khi nào cần thì H và H2 sẽ báo trước cho bà V vài ngày để thu xếp tiền trả. Phần lớn những lần cho vay tiền H là người giao tiền, nhưng khi viết giấy biên nhận thì yêu cầu bà V viết giấy vay tiền của H2, vì thời điểm này H đang là Kiểm sát viên sơ cấp Viện kiểm sát nhân dân thành phố

Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk nên không trực tiếp đứng tên trên các giấy vay tiền và trả lãi suất vay. Đối với các khoản vay này ban đầu bà V đều trả tiền lãi đầy đủ cho H và H2 nhưng từ tháng 5/2019 trở về sau (trừ tháng 6 và tháng 7/2019), thì bà V không còn khả năng trả tiền lãi cho các khoản vay nên H, H2 đã cộng tiền lãi vào tiền gốc đối với các khoản vay. Ngày 18/10/2020, H, H2 và Đinh Thị H8 đến nhà bà V, cũng là T3 mầm non tư thục 1/6, yêu cầu bà V viết giấy vay tổng số tiền 16.000.000.000 đồng đối với 14 khoản vay tính đến ngày 30/11/2020 cho H2. Sau đó H2 đã sử dụng giấy vay tiền này khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma T4 yêu cầu bà V và ông Trần Duy K1 (*là con trai của bà V*) phải trả toàn bộ số tiền trên. Cụ thể 14 khoản vay như sau:

- **Khoản vay thứ 01** (vay của H2): Ngày 27/10/2017 bà V vay số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 73%/01 năm. Lãi suất trả trước có nghĩa là trả lãi đầu kỳ, số tiền bà V thực nhận là 25.000.000 đồng - 1.500.000 đồng (*lãi 30 ngày*) = **23.500.000** đồng. H là người giao tiền, nhưng khi viết giấy biên nhận lại ghi tên người cho vay là H2.

- **Khoản vay thứ 02** (vay của H2): Ngày 29/12/2017 bà V vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 73%/01 năm, trả lãi đầu kỳ, nên số tiền bà V thực nhận là 50.000.000 đồng - 3.100.000 đồng (*lãi 31 ngày*) = **46.900.000** đồng. Viết giấy biên nhận ghi tên người cho vay là H2.

- **Khoản vay thứ 03** (vay của H2): Ngày 03/01/2018 bà V vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 73%/01 năm trả lãi đầu kỳ, nên số tiền bà V thực nhận là 100.000.000 đồng - 6.200.000 đồng (*lãi 31 ngày*) = **93.800.000** đồng. Viết giấy biên nhận ghi tên người cho vay là H2.

- **Khoản vay thứ 04** (vay của H2): Ngày 11/02/2018 bà V vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 73%/01 năm trả lãi đầu kỳ, nên số tiền bà V thực nhận là 20.000.000 đồng - 1.160.000 đồng (*lãi 29 ngày*) = **18.840.000** đồng.

- **Khoản vay thứ 05** (vay của H): Ngày 15/4/2018 bà V vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 73%/01 năm trả lãi cuối kỳ, nên số tiền bà V thực nhận là **300.000.000** đồng. Viết giấy biên nhận ghi tên người cho vay là H2.

- **Khoản vay thứ 06** (vay của H2 nhưng H8 là người chuyển tiền): Ngày 26/6/2018 bà V vay số tiền 2.000.000.000 đồng. Phương thức giao tiền chuyển khoản đến tài khoản số 101003798121 của con trai bà V tên Trần Duy K1, nội dung chuyển khoản ghi rõ “ĐINH THI HANG CHUYEN TIEN CHO CHI VAN”. Lý do chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của K1 vì cùng hệ thống ngân hàng V1. Khoản vay này, H2 thỏa thuận lãi suất là 100.000.000 đồng/2.000.000.000 đồng/01 tháng, trả lãi cuối kỳ, lãi suất cho vay là 1.667 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 60,8%/01 năm, nên số tiền bà V thực nhận là **2.000.000.000** đồng. Viết giấy biên nhận ghi tên người cho vay là H2.

- **Khoản vay thứ 07** (vay của H): Ngày 29/8/2018 bà V vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 73%/01 năm, trả lãi đầu kỳ, nên số tiền bà V thực nhận là 300.000.000 đồng - 18.600.000 đồng (lãi 31 ngày) = **281.400.000** đồng.

- **Khoản vay thứ 08** (vay của H2): Ngày 25/9/2018 bà V vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 73%/01 năm, trả lãi đầu kỳ, nên số tiền bà V thực nhận là 200.000.000 đồng - 12.000.000 đồng (lãi 30 ngày) = **188.000.000** đồng.

- **Khoản vay thứ 09** (vay của H): Ngày 07/12/2018 bà V vay số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/năm (lãi đầu). Khoản vay này bà V đã đóng được 120 ngày (04 tháng) tiền lãi, bắt đầu từ ngày 07/12/2018 với số tiền là 72.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 13.152.000 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **58.848.000** đồng. Ngoài ra, vào tháng 6 và tháng 7/2019 bà V tiếp tục đóng được 61 ngày tiền lãi với số tiền là 36.600.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 6.684.000 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **29.916.000** đồng.

Như vậy, với khoản vay thứ 09 thì Đinh Thị H đã thu lợi bất chính tổng số tiền **88.764.000** đồng.

Tính đến ngày 30/11/2020 số tiền lãi mà Đinh Thị H nhằm thu được của bà V là **326.400.000** đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 59.616.438 đồng. Số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được là **266.783.562** đồng.

- **Khoản vay thứ 10** (vay của H nhưng H7 là người chuyển tiền): Ngày 12/12/2018 bà V vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 2.300 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 85,1%/01 năm. Thực tế khoản vay này vay vào ngày 11/12/2018 do Đinh Thị H7 (em gái H) chuyển tiền vào tài khoản của Trần Duy K1 số tiền **372.000.000** đồng và hôm sau (ngày 12/12/2018) H yêu cầu bà V viết giấy biên nhận vay số tiền 400.000.000 đồng, do trừ trước 28.000.000 đồng tiền lãi của 01 tháng (H làm tròn số tiền lãi thành 28.000.000 đồng).

- **Khoản vay thứ 11** (vay của H): Ngày 01/02/2019 bà V vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/năm của Đinh Thị H (lãi đầu). Khoản vay này bà V đã đóng được 90 ngày (03 tháng) tiền lãi bắt đầu từ ngày 01/02/2019 với số tiền 81.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 14.793.000 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **66.207.000** đồng. Ngoài ra, vào tháng 6 và tháng 7/2019 bà V tiếp tục đóng được 61 ngày tiền lãi với số tiền 49.410.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 10.027.000 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **39.383.000** đồng.

Như vậy, với khoản vay thứ 11 thì Đinh Thị H đã thu lợi bất chính tổng số tiền **105.590.000** đồng.

Tính đến ngày 30/11/2020, số tiền lãi mà Đinh Thị H nhằm thu được của bà V là **466.200.000** đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 85.150.685 đồng. Số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được là **381.049.315** đồng.

- **Khoản vay thứ 12** (vay của H): Ngày 18/4/2019, bà V vay số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 127,7%/năm của Đinh Thị H (lãi đầu). Khoản vay này bà V đã đóng được 01 tháng (30 ngày) tiền lãi với số tiền là 42.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 6.575.000 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **35.425.000** đồng. Ngoài ra, vào tháng 6 và tháng 7/2019 bà V tiếp tục đóng được 61 ngày tiền lãi với số tiền là 85.400.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 13.369.000 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **72.031.000** đồng.

Như vậy, với khoản vay thứ 12 thì Đinh Thị H đã thu lợi bất chính tổng số tiền **107.456.000** đồng.

Tính đến ngày 30/11/2020, số tiền lãi mà Đinh Thị H nhằm thu được của bà V là **702.800.000** đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 110.027.397 đồng. Số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được là **592.772.603** đồng.

- **Khoản vay thứ 13** (vay của H): Ngày 29/8/2019, bà V vay số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày tương đương 109,5%/năm của Đinh Thị H (lãi đầu kỳ). Khoản vay này bà V đã đóng được 31 ngày tiền lãi với số tiền là 27.900.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 5.096.000 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **22.804.000** đồng.

Tính đến ngày 30/11/2020, số tiền lãi mà Đinh Thị H nhằm thu được của bà V là **386.100.000** đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 70.520.548 đồng. Số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được là **315.579.452** đồng.

- **Khoản vay thứ 14** (vay của H): Ngày 10/9/2019, bà V vay số tiền là 400.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 109,5%/01 năm, trả lãi cuối kỳ, nên số tiền bà V thực nhận là **400.000.000** đồng. Do bà V không có tiền trả lãi nên H chưa thu lợi được số tiền nào.

Tính đến ngày 30/11/2020, số tiền lãi mà Đinh Thị H nhằm thu được của bà V là **537.600.000** đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 98.191.781 đồng. Số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được là **439.408.219** đồng.

Trong tổng số 14 khoản tiền mà bà V đã vay của Đinh Thị H và Đinh Thị H2, thì có các khoản vay thứ 09, thứ 11, thứ 12, thứ 13, thứ 14 thể hiện Đinh Thị H và Đinh Thị H2 đã cho bà V vay tiền với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là từ 109,5%/01 năm đến 127,7%/01 năm, đã thu lợi bất chính tổng số tiền **324.614.000** đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được tính đến ngày 30 tháng 11 năm 2020 của các khoản vay trên là **1.995.593.151** đồng.

- Tại Bản kết luận giám định số 75/KL-PC09 ngày 27/01/2022 của Phòng K4 Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ viết (được đánh dấu bằng mực dạ quang) trên mẫu cần giám định ký hiệu A có nội dung: (70T) + 30 tháng 10” trên trang 03, “3000, 1500....còn: 50.000 rồi” trên trang 04, “234000, 27000/261000” trên trang 4A, “158.000...2610000” trên trang 05; “tháng 2, 28/12...tổng = 146.000” trên trang 5A; “18, 27 (1T), 28 (2T)”, “đã thanh toán đủ của tháng 3...292000000” – trừ chữ số 2019, chữ viết “Tính đến tháng 5” trên trang 06, “ngày 14-/6 chị V....hết tới 6”

trên trang 6A, “tháng 5, 8/12...lãi của tháng 5=177000” trên trang 7, “tháng 4, tổng số...chín mươi hai triệu đồng)” trên trang 7A so với phần chữ viết, chữ số của Đinh Thị H2 trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

- Tại Công văn số 98/CV-KTHS ngày 22/4/2022 của Phòng K4 Công an tỉnh Đ giải thích nội dung Kết luận giám định số 75/KL-PC09 ngày 27/01/2022 đối với các dấu “...” như sau: Chữ viết (được đánh dấu bằng mực dạ quang) trên trang 04 của mẫu cần giám định ký hiệu A được bắt đầu bằng các chữ “3000, 1500” và kết thúc bằng các chữ “còn: 50.000 Rồi”. Tương tự đối với các nội dung còn lại trong kết luận giám định.

- Tại Bản kết luận giám định số 1767/C09B ngày 21/7/2021 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ C1 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ file video “18.10.2020.mp4” mẫu cần giám định bị cắt, ghép. Vì vậy không đủ điều kiện giám định.

+ Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 06 file video mẫu cần giám định (có STT: 02, 03, 04, 05, 06, 07).

+ Trong hai file “soan vb (1).mp4”, “soan vb (2).mp4” có tiếng nói bị vang, méo, ồn nhiễu lớn nghe không rõ nội dung hội thoại và trong file “dot giay to (18.10.2020).mp4” không có tiếng nói. Vì vậy, không đủ điều kiện giám định tiếng nói và nội dung hội thoại.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “H” (ký hiệu “H” trong “bản dịch nội dung”) trong 03 file video mẫu cần giám định (có STT: 02, 03, 04) và tiếng nói của bà Đinh Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “H2” (ký hiệu “H2” trong “bản dịch nội dung”) trong 03 file video mẫu cần giám định (có STT: 02, 03, 04) và tiếng nói của bà Đinh Thị H2 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “H8”, “cháu” (ký hiệu “H8” trong “Bản dịch nội dung”) trong 03 file video mẫu cần giám định (có STT: 02, 03, 04) và tiếng nói của bà Đinh Thị H8 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “chị V”, “cô” (ký hiệu “V” trong “bản dịch nội dung”) trong 03 file video mẫu cần giám định (có STT: 02, 03, 04) và tiếng nói của bà Bùi Thị Hồng V trong mẫu cần so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nam gọi là “anh”, “chú” (ký hiệu “T” trong “bản dịch nội dung”) trong 03 file video mẫu cần giám định (có STT: 02, 03, 04) và tiếng nói của ông Trần Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nam được gọi là “K1” (ký hiệu “K” trong “bản dịch nội dung”) trong 03 file video mẫu cần giám định (có STT: 02, 03, 04) và tiếng nói của ông Trần Duy K1 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Nội dung hội thoại trong 03 file video mẫu cần giám định (có STT 02, 03, 04) đã được giám định và chuyển thành văn bản (“bản dịch nội dung”) gồm 60 trang giấy A4.

Kèm theo kết luận giám định: Bản “Bản dịch nội dung”, gồm 60 trang giấy A4.

- Tại Bản kết luận giám định số 3991/C09B ngày 10/12/2021 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ C1 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ Không phát hiện thấy có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định.

+ Không phát hiện thấy có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong 04 file video mẫu cần giám định.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “H” (ký hiệu “H” trong “Bản dịch nội dung”) trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Đinh Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “H2” (ký hiệu “H2” trong bản dịch nội dung”) trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Đinh Thị H2 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “H8”, “cháu” (ký hiệu “H8” trong bản dịch nội dung”) trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Đinh Thị H8 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “chị V”, “cô” (ký hiệu “V” trong bản dịch nội dung”) trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Bùi Thị Hồng V trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nam được gọi là “anh T”, “chú” (ký hiệu “T” trong bản dịch nội dung”) trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Trần Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nam được gọi là “K1” (ký hiệu “K” trong bản dịch nội dung”) trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Trần Duy K1 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Nội dung hội thoại trong 03 file âm thanh mẫu cần giám định được giám định và chuyển thành văn bản (“Bản dịch nội dung” gồm 112 trang giấy A4).

+ Nội dung hội thoại trong 04 file video (“camera 1 – ngày 18.10.2020 (1).mp4”; “Camera 2 – ngày 18.10.2020 (2).mp4”; “camera 3 – ngày 18.10.2020 (3).mp4; camera 4 – ngày 18.10.2020 (4).mp4”) mẫu cần giám định trùng với nội dung hội thoại trong file âm thanh “Bản ghi âm H 3.m4a”. Vì vậy, chúng tôi không thực hiện chuyển nội dung hội thoại trong 04 file video thành văn bản.

+ Kèm theo kết luận giám định: Bản “Bản dịch nội dung”, gồm 112 trang giấy A4.

- Tại Bản kết luận giám định số 4833/KL-KTHS ngày 14/9/2023 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ C1 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không phát hiện thấy có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file âm thanh mẫu cần giám định. Tiếng nói người nữ (ký hiệu “ĐH” trong Bản dịch nội dung) trong file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Đinh Thị H trong mẫu so sánh là

của cùng một người nói ra. Tiếng nói người nam (ký hiệu “NH1” trong Bản dịch nội dung) trong file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Nguyễn Trọng H1 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra. Nội dung hội thoại trong file âm thanh mẫu cần giám định đã được giám định và chuyển thành văn bản (Bản dịch nội dung gồm 06 trang A4).

Kèm theo kết luận giám định: Bản “Bản dịch nội dung”, gồm 06 trang A4.

- Tại Bản kết luận giám định số 5954/KL-KTHS ngày 03/3/2023 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ C1 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ Không phát hiện thấy có dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong file âm thanh mẫu cần giám định.

+ Trong file âm thanh mẫu cần giám định không có tiếng nói ông Trần Duy K1.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “H” (Ký hiệu “H” trong “Bản dịch nội dung”) trong file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Đinh Thị H trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “H2” (Ký hiệu “H2” trong “Bản dịch nội dung”) trong file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Đinh Thị H2 trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Tiếng nói người nữ được gọi là “chị V”, “cô” (Ký hiệu “V” trong “Bản dịch nội dung”) trong file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của bà Bùi Thị Hồng V trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

+ Nội dung hội thoại trong file âm thanh mẫu cần giám định đã được giám định và chuyển thành văn bản (“Bản dịch nội dung” gồm 04 trang giấy A4).

Kèm theo kết luận giám định: Bản “Bản dịch nội dung”, gồm 04 trang giấy A4.

- Tại Bản kết luận giám định số 566/KL-KTHS ngày 29/3/2024 của Phân viện khoa học hình sự - Bộ C1 tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Phục hồi được một phần dữ liệu trong ổ cứng cần giám định ký hiệu A ở thời gian từ tháng 8/2020 đến tháng 10/2020. Dữ liệu khôi phục được nêu trên được trích xuất và lưu vào 01 thiết bị lưu trữ kèm theo kết luận giám định.

Cáo trạng số: 137/CT-VKS-P2 ngày 18/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H và H2 không còn kêu oan mà khai nhận hành vi phạm tội của mình về cơ bản như nội dung cáo trạng đã truy tố. Riêng bị cáo H cho rằng không trực tiếp cho bà V vay tiền mà chỉ giúp sức cho bị cáo H2 nhưng nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, các bị cáo xác nhận các khoản cho vay có lãi suất từ 3000 đồng trở lên/ 1.000.000 đồng/ 01 ngày là của bị cáo H2, các bảng kê tính lãi và giọng nói được ghi âm, dịch thuật mặc dù là giọng của các bị cáo nhưng do các bị cáo được bà V nhờ diễn kịch.

Bà Bùi Thị Hồng V khai: Bà V vay tiền của chị em H2, H từ năm 2012 để sử dụng cá nhân và sinh hoạt gia đình. Đến ngày 16/9/2020 chị em H2 đến đối chiếu mới biết bà đang nợ gần 5 tỷ gốc và hơn 8 tỷ tiền lãi. Khi vay bà V có viết giấy và ký tên, đưa cho chị em H2 giữ bản gốc và photo đưa cho bà 01 bản. Bà đã trả lãi đầy đủ đến hết tháng 4/2019 nhưng không lập giấy tờ, từ tháng 5/2019 đến nay thì không trả lãi (trừ tháng 6, 7/2019 bà V đã trả) chị em H2 lấy lãi đó cộng vào tiền gốc để tiếp tục tính lãi. Đến tháng 9/2020, chị em H2 liên tục gây sức ép buộc bà V trả nợ, 03 lần chị em H2 đến là để tính toán các khoản gốc, lãi chứ không có việc bà nhờ đến diễn kịch. Sau đó chị em H2 ép bà ký giấy vay số tiền 16 tỷ và khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột để yêu cầu bà trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đinh Thị H 11 tháng 17 ngày tù, được khấu trừ bằng thời gian tạm giam từ ngày 20/11/2023 đến ngày 06/11/2024.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị H2 từ 12 tháng đến 15 tháng tù, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 20/11/2023 đến 06/11/2024.

Áp dụng Điều 35 và khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với bị cáo Đinh Thị H2. Xử phạt bổ sung từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

*** Về xử lý vật chứng:**

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại:

+ 01 USB nhãn hiệu SanDisk cho ông Nguyễn Trọng H1.

+ 01 ổ cứng nhãn hiệu Seagate; 01 đĩa CD nhãn hiệu Spark, trên mặt có ghi chữ “ghi âm” và 01 đĩa CD nhãn hiệu Forever, trên mặt có ghi chữ “24/9” cho bị cáo Đinh Thị H.

+ 01 Quyết định nâng lương thường xuyên và 01 Bằng Thạc sĩ cho ông Thái Hữu H6.

- Đối với các thẻ Đảng viên, thẻ Điều tra hình sự, thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã có văn bản thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị trả lại:

+ 01 điện thoại di động của bà Bùi Thị Hồng V.

+ 01 máy tính xách tay của bị cáo Đinh Thị H2 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đề nghị truy thu sung quỹ nhà nước:

+ 02 điện thoại di động đã thu giữ của các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2, là các công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Số tiền các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 đã thu lợi bất chính từ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (người vay tiền) bà Bùi Thị Hồng V, để trả lại cho bà V số tiền 324.614.000 đồng.

+ Số tiền gốc và tiền lãi (20%/01 năm) không vượt quá lãi suất quy định mà các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 đã thu được của người vay tiền bà Bùi Thị Hồng V là 69.696.000 đồng.

+ Số tiền nợ gốc mà người liên quan bà Bùi Thị Hồng V đã vay của bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 nhưng chưa trả cho các bị cáo là 1.600.000.000 đồng.

- Đối với số tiền đã tạm giữ của các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 thì đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với các đồ vật, tài liệu có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo đề nghị tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với các tài liệu không liên quan đến hành vi phạm tội đề nghị tuyên trả cho các bị cáo.

*** Người bào chữa của bị cáo Đinh Thị H trình bày quan điểm bảo vệ và tranh luận:** Việc truy tố xét xử bị cáo H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, bị cáo không trực tiếp cho vay, các giấy vay tiền đều do bị cáo H2 trực tiếp đứng tên, bị cáo H với vai trò giúp sức tích cực. Bà V cũng có một phần lỗi vì đã tự nguyện thỏa thuận trả lãi suất cao tạo điều kiện, cơ hội thuận lợi để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đồng thời vi phạm nghĩa vụ trả nợ, gây bức xúc cho bị cáo trong khi bị cáo phải vay nhiều người khác nên cũng phải chịu nhiều áp lực; Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp 10.000.000 đồng một phần tiền thu lợi bất chính để trả lại cho bà V bồi thường một phần thiệt hại; bố bị cáo là ông Đinh Văn P được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, mẹ là bà Nguyễn Thị L được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì; trong quá trình công tác bị cáo được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Kiểm sát, Liên đoàn lao động tỉnh Đ chứng nhận giới việc nước đảm việc nhà. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo bằng thời gian tạm giam.

*** Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị H2 trình bày:** việc truy tố xét xử bị cáo H2 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” là đúng người, đúng tội. Bà V cũng có một phần lỗi; Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện nộp 10.000.000 đồng một phần tiền thu lợi bất chính trả lại cho bà V để bồi thường một phần thiệt hại; bố bị cáo là ông Đinh Văn P được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, mẹ là bà Nguyễn Thị L được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các

điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo bằng thời gian tạm giam.

Về các vấn đề khác: Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tách các khoản vay không bị truy tố, xét xử thành vụ kiện khác theo trình tự tố tụng dân sự hoặc xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị cáo H chiếc điện thoại Iphone 14, bị cáo mua tháng 10/2023, trả lại cho bị cáo H2 chiếc điện thoại OPPO, bị cáo mua tháng 8/2023; trả lại cho bị cáo H 180.000.000 đồng, bị cáo H2 10.000.000 đồng thu giữ khi khám xét và trả lại các giấy vay tiền ngoài 05 khoản cho bà V vay vì những tài sản này không phải công cụ, phương tiện phạm tội, không liên quan đến hành vi phạm tội.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Hồng V tranh luận:** Hành vi phạm tội của các bị cáo đã rõ ràng, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, có thái độ ăn năn hối cải, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Hồng V đồng ý với ý kiến của Luật sư bảo vệ, không có ý kiến gì bổ sung.

Qua tranh luận, đối đáp, đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa, các bị cáo vẫn giữ nguyên ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét lời khai nại của các bị cáo thấy rằng: Mặc dù quá trình điều tra, truy tố các bị cáo không thừa nhận hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã tự nguyện khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội của mình cơ bản như bản cáo trạng đã truy tố về số tiền đã cho vay, thời gian và lãi suất cho vay đối với 5 khoản vay số 9, 11, 12, 13, 14. Như vậy, căn cứ đơn tố giác về tội phạm ngày 07/12/2020, lời khai của bà Bùi Thị Hồng V cùng các tài liệu chứng cứ cơ quan điều tra thu thập được xác định, từ tháng 10 năm 2017 đến tháng 9 năm 2019 bà V đã vay của các bị cáo H và H2 tổng cộng 14 khoản với tổng số tiền gốc 4.995.000.000 đồng, H và H2 lấy lãi từ 2.000 đồng đến 3.500 đồng/1.000.000 đồng/ ngày, lãi trả theo từng tháng, thời hạn trả theo thỏa thuận có khoản thì 01 tháng, có khoản thì 03 tháng, còn tiền gốc thì khi nào cần H, H2 sẽ báo trước để bà V thu xếp trả nợ. Kể từ ngày vay, bà V chưa trả được khoản gốc nào còn tiền lãi đã trả đầy đủ đến tháng 4/2019, tháng 5/2019 bà V không trả lãi, riêng tháng 6 và tháng 7/2019 bà V tiếp tục trả lãi cho các bị cáo, từ tháng 8/2019 do dịch Covid bà V không có khả năng trả lãi nữa nên cứ mỗi tháng các bị cáo cộng lãi vào gốc

tính tiếp thành tiền lãi của tháng sau (lãi kép). Quá trình điều tra, bà V có cung cấp 14 bản photo Giấy vay tiền do bà V tự viết nội dung và ký tên, không có bên cho vay ký. Theo bà V đây là các giấy vay H và H2 yêu cầu bà viết khi vay tiền, sau đó photo lại đưa cho bà giữ 01 bản, còn giấy gốc được các bị cáo nói là đã đốt bỏ sau khi bà V viết giấy nhận nợ tổng cộng 16 tỷ vào ngày 18/10/2020. Về thời gian và số tiền vay của 14 khoản vay này hoàn toàn trùng khớp với 14 khoản vay chi tiết được liệt kê trong 03 tập bảng kê tính lãi mà theo bà V là do H, H2, H8 lập và đưa cho bà để đối chiếu công nợ (BL 438-482), đồng thời lần lượt được H, H2 thừa nhận từng khoản vay trong cuộc nói chuyện tại nhà của bà V vào ngày 16/9, 27/9, 18/10/2020 và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận trong 14 khoản bà V vay có 05 khoản như Cáo trạng truy tố là đúng. Đối với các khoản vay bị cáo H2 khai nhưng không có chứng cứ chứng minh, không được bà V, ông T, anh K1 thừa nhận nên không có căn cứ xem xét.

[2.1] Các bị cáo khai nại việc đến nhà bà V vào ngày 16/9, 27/9 và 18/10/2020 là do được bà V nhờ đến để diễn kịch trước mặt ông T (chồng bà V) bằng cách thức: H, H2 và H8 sẽ đọc theo các bảng kê tính lãi mà bà V đưa trước đó, trong đó thể hiện bà V chỉ vay số tiền 4.995.000.000 đồng, còn lại là tiền lãi với mức lãi suất từ 1.667 đồng đến 3.500 đồng/ 1.000.000 đồng/ ngày tùy khoản vay. Mục đích là nhằm che giấu khoản nợ gốc 11 tỷ mà bà V và anh K1 đã vay của các bị cáo, để ông T hiểu do bà V vay lãi nặng chứ không vay để tiêu xài, cờ bạc, như vậy thì vợ chồng bà V khỏi cãi nhau và ông T đồng ý bán trường trả nợ. Trong khi đó, phía bà V, ông T, anh K1 bác bỏ lời khai trên và khẳng định vào các ngày này, bị cáo H, H2 và H8 đến nhà bà V để giải thích cụ thể cách tính lãi của từng khoản vay, yêu cầu bà V trả nợ.

Căn cứ vào 03 video được camera của nhà bà V ghi lại ngày 16/9, 27/9/2020 và 03 file ghi âm thì diễn biến sự việc và lời nói của những người có mặt phù hợp với lời khai của bà V và thực tế khách quan. Theo đó, các bảng kê tính lãi được bị cáo H, H2 và H8 mang đến nhà bà V, đưa cho bà V 01 bộ để đối chiếu, hướng dẫn cho bà V, anh K1 cách tính lãi một cách rất chi tiết, cụ thể từng khoản, xác định số tiền cho vay khoản nào là tiền của bị cáo H, khoản nào là của bị cáo H2 và còn nhắc lại một số lần vay với cách thức, hoàn cảnh cụ thể. Tại buổi đối chiếu, chốt nợ ngày 16/9/2020 các bên chưa thống nhất được công nợ với nhau nên tiếp tục đối chiếu vào ngày 27/9/2020 và sau cùng là ngày 18/10/2020; số tiền gốc bà V vay vẫn là 4.995.000.000 đồng nhưng tiền lãi có sự biến động tăng lên do thời gian vay kéo dài. Tại buổi làm việc cuối cùng ngày 18/10/2020, sau khi thống nhất toàn bộ nợ gốc và lãi là 16 tỷ, các bị cáo yêu cầu bà V viết giấy xác nhận nợ nhưng bà V viết tiền gốc, tiền lãi cụ thể nên giữa hai bên xảy ra tranh cãi, các bị cáo dùng lời lẽ thúc ép, chửi bới, đe dọa bà V nếu không ký xác nhận sẽ cho người đến quậy phá. Giấy vay tiền do H8 đánh máy ngay lúc đó và đưa cho bà V ký, các giấy vay gốc trước đó được đốt bỏ. Trên cơ sở giấy vay này, ngày 28/10/2020, bị cáo H2 đã sử dụng để khởi kiện bà V, anh K1 đến Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột yêu cầu trả số tiền nợ 11 tỷ đồng. Sau đó, ngày 01/12/2020, bị cáo H2 tiếp tục khởi kiện bổ sung buộc bà V và anh K1 trả thêm 05 tỷ đồng, tổng cộng là 16 tỷ đồng. Điều này không phù hợp với mục đích ban đầu các bị cáo cho rằng được bà V nhờ giúp đỡ.

Do đó, lời khai của các bị cáo cho rằng đến nhà bà V diễn kịch, đọc cách tính lãi của 14 khoản vay là không có căn cứ.

Tại Bản dịch nội dung file “Camera 2 (16-9-2020).mp4”, phút thứ 18:57 bị cáo H2 nói “đó là theo tính lãi cộng gộp đó”, phút thứ 19:03 H8 nói “bây giờ vậy nè, giống như là ví dụ như từ 2017 đúng không? Cái này lãi 1 tháng thì 100 triệu lãi là 10 triệu, cái 10 triệu cô cũng không trả, thì cái 10 triệu đó nó sẽ thành cái gốc”, phút thứ 19:27 H8 nói “đúng rồi, lãi để lãi”, phút thứ 22:49 H8 nói “Không, bây giờ gốc này, lãi này, tới cái tháng này, tới tháng 6 này cô đã trả thì cháu không ghi nữa, trong bản nó không có phát sinh, được chưa? Tới đây cô trả tiếp thì cháu không có phát sinh tiếp. Tới đây vẫn là, này là cô không trả này, 205 triệu này nè, tiền lãi cô không trả, cháu ghi nợ”, phút thứ 27:01 H8 nói “Như vậy thì để cháu nói chồng cháu gửi cái file lên, rồi của những cái tháng cũ, tại vì những cái tháng đó cháu đã xóa rồi, những cái tháng cộng gộp, đây nè cô thấy nè, là tháng 11 còn lại trong này, nhưng mà tháng 12 không thấy, tháng 1 không thấy, tháng 2 không thấy, tháng 3 không thấy, cô thiếu nhiều lắm”, phút thứ 30:12 H nói “Lãi để lãi đó K1 hiểu hông?”. K1 nói “vậy cứ không trả là cứ cộng vào gốc” H nói “Đúng rồi”, phút thứ 31:41 H nói “Tóm lại là tính từ giai đoạn này vừa gốc vừa lãi, nói mẹ vậy cho nó mau đi”; Tại bản dịch file “Camera so 2 b.(16-9-2020).mp4” phút thứ 00:45 H2 nói “Hằng nó làm hết rồi”, H nói “Nó làm kỹ lắm đó chị ạ, nó làm excel nó ra hết từng số một”, phút thứ 13:05 K1 hỏi “Nhưng mà bây giờ cô lấy lãi trước hay lấy lãi sau”, H2 nói “lấy lãi sau”, H nói “có cái trước, có cái sau”, phút thứ 16:52 H8 nói “cái này là 4 tỷ mấy của cô, 4 tỷ rưỡi của cô là chỉ là gốc thôi mà, còn cái gốc này nó phải để ra lãi”, phút thứ 16:59 H nói “mà cái lãi này nó còn để ra nữa”. Bản dịch nội dung file “ngay 27.9.2020.mp4”, tại phút thứ 01:41 H8 nói “đây đây, con làm sẵn đây rồi, mỗi người một bản nha, làm theo cái bản bữa trước cô đưa á, mỗi người một bản”, từ phút thứ 07:20 đến phút thứ 09:09 H8 nói “à cái tờ đầu tiên ấy là tờ thống kê tất cả các khoản”... “cái tờ đó cô chuyển cho em, rồi tờ đầu tiên là cái khoản đầu tiên 25 triệu, ngày vay, ngày trả có ghi trong đó hết, lãi từng ngày con có ghi luôn”... “lãi từng ngày đây, hai nghìn”... “rồi tiền lãi một ngày bao nhiêu thì có cột lãi hàng ngày nè”. Bản dịch nội dung file “Bản ghi âm H 3.m4a”, khi bà V viết giấy nhận nợ ghi tiền gốc riêng, lãi riêng thì bị cáo H, H2 phản ứng gay gắt: “Sao viết cái giấy nợ này làm cái gì? Hà? cái giấy này làm cái gì?...Sao giải thích kiểu này?... Không ai viết cái kiểu này hết...Ai mà chấp nhận được” “Như này sao được, không viết như vậy được... Ai mà chấp nhận được... chị nghĩ sao tự nhiên viết này....em không thích viết thế này...đừng có đưa em vào trông” và phút thứ 07:22 H nói “Có đưa nào đi vay nặng lãi mà bắt em viết như vậy à?”. Ngoài ra, quá trình điều tra mở rộng vụ án đã xác định được H và H2 có cho rất nhiều người khác vay tiền, có khoản không lấy lãi, có khoản lấy lãi, tuy không đủ định lượng để truy tố nhưng điều này góp phần củng cố các bị cáo thường xuyên cho vay trong thời gian dài lấy lãi là có thật.

Từ những phân tích trên, có đủ cơ sở khẳng định việc các bị cáo cho bà V vay lấy lãi nặng là có căn cứ phù hợp với các tài liệu chứng cứ do bà V giao nộp như hình ảnh camera, file ghi âm, bảng kê tính lãi và tài liệu do cơ quan điều tra thu thập.

[2.2]. Theo bảng kê tính lãi do các bị cáo lập và file ghi âm vào các ngày 16/9, 27/9, 18/10/2020 thì các khoản vay thứ 9, 11, 12, 13, 14 là các khoản có lãi suất vượt quá 100%/ năm. Tuy khoản vay này đề tên Đinh Thị H2 nhưng thực tế là bà V vay của Đinh Thị H. Tại Bản dịch nội dung file “Camera 2 (16-9-2020).mp4” từ phút thứ 06:06 đến phút thứ 06:45 (BL 185) V nói: “Đại khái là H là của H mấy suất, mấy khoản, nhưng mà H bảo H là công chức nhà nước như thằng K1 đừng có ghi tên H và viết hết cho H2”, H nói “ừ, nhưng mà phân ra mấy cái là tự biết của em”... “có mấy cái chị viết trực tiếp từ em”, phút thứ 08:01 H nói “tờ này bà lấy rồi, một quá H trả cho chị V tờ gốc rồi”.... Cụ thể từng khoản vay như sau:

- **Khoản vay thứ 09:** Ngày 07/12/2018 bà V vay của H 200.000.000 đồng, được H thừa nhận trong file ghi âm “Bản ghi âm H 1.m4a” phút thứ 25:45 “...À, mừng 7 tháng 12 năm 2018, này của H nè”; lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày theo ghi âm từ phút thứ 40:34 đến phút thứ 41:25, V hỏi “Cái này 3000 hả?”, H8 nói “Dạ. Cái này là 3000 đó cơ”, bà V hỏi “Cái này của H2 hay của H? 3000, hình như của H2 là 2000”, H2 trả lời “Em là 3000”, H trả lời “Của em”.

Đối với khoản vay này, các bị cáo lấy lãi đầu, theo bảng kê thì lãi suất tháng 4 và tháng 5/2019 bà V chưa trả nên được cộng dồn vào tiền gốc ban đầu để tiếp tục tính lãi (phù hợp với cách thức tính toán các bị cáo thừa nhận trong file ghi âm), tháng 6, 7/2019 bà V trả lãi trên số tiền gốc đã được cộng dồn nên bảng kê không thể hiện còn nợ lãi. Trong khi đó, việc trả lãi hàng tháng bà V không có chứng cứ chứng minh, quá trình đối chiếu công nợ bà V cũng thống nhất với các bảng kê tính lãi này. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng cách tính này để tính số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo.

Như vậy số tiền bà V đã đóng lãi 04 tháng từ tháng 12/2018 đến tháng 3/2019 (121 ngày), tương ứng số tiền 72.600.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định nhà nước là 13.260.274 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **59.339.726** đồng. Tháng 4, 5/2019 bà V không trả lãi nên số tiền nợ lãi được cộng vào gốc là 237.600.000 đồng. Tháng 6, 7/2019 bà V tiếp tục đóng được 61 ngày tiền lãi, tương ứng số tiền là 43.480.800 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 6.684.932 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **36.795.868** đồng. Với khoản vay thứ 09 thì H đã thu lợi bất chính tổng số tiền **96.135.595** đồng.

Tính đến ngày 30/11/2020 số tiền lãi mà Đinh Thị H nhằm thu được của bà V là **844.019.211** đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 66.082.192 đồng. Số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được là **777.937.019** đồng.

- **Khoản vay thứ 11:** Ngày 01/02/2019 bà V vay của H số tiền 300.000.000 đồng, tại phút thứ 14:00 của “Bản ghi âm H 1.m4a” H8 nói “Rồi 2019 là 300 ngày 01 tháng 2” thì H nói “Cái này của em á, chị lấy máu của em, ghi nhận giùm cho”, tại phút thứ 26:07 đến phút thứ 26:17 bà V nói “Mùng 1 tháng 2 năm 2019” H nói “Ừ”, V nói “Mấy trăm”, H nói “300, này của H này”; H lấy lãi 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày theo “Bản ghi âm H 2.m4a” phút thứ 56:04 V hỏi “300, cái này 3 ngàn hả” thì H8 trả lời “Dạ”. Bản dịch nội dung file “Camera 2 (16-9-2020).mp4” tại phút 9:05 H nói “Thôi quên đi, con này có khi làm chậm hơn

cả em nữa, cái nào món của em, em nói luôn nè, 300 này là của H mượn nè, V mượn của H nè”, tại phút 12:06 H nói “300 này của H này”.

Khoản vay này bà V đã trả lãi được 03 tháng, bắt đầu từ ngày 01/02/2019 đến tháng 4/2019 (89 ngày) với số tiền 80.100.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 14.630.137 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **65.469.863** đồng. Tháng 5/2019 bà V không trả lãi. Tháng 6, 7/2019 bà V tiếp tục đóng được 61 ngày tiền lãi, tương ứng số tiền là 54.900.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 10.027.397 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **44.872.603** đồng. Với khoản vay thứ 11 thì H đã thu lợi bất chính tổng số tiền **110.342.466** đồng.

Tính đến ngày 30/11/2020, số tiền lãi mà Đinh Thị H nhằm thu được của bà V là **1.027.143.065** đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 95.178.082 đồng. Số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được là **931.964.983** đồng.

- **Khoản vay thứ 12:** Ngày 18/4/2019, bà V vay của H số tiền 400.000.000 đồng, lãi suất 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày được H thừa nhận tại file “Bản ghi âm H 1.m4a” từ phút thứ 26:26 “*Được chưa? 18 tháng 4 năm 2019, 400 cái này của H riêng, chính xác luôn, tao ghi lại tên H nè*” thì bà V nói “*Nhưng mà của H nhưng ghi tên cho H2 đấy nhé*”, H2 nói lại “*Rồi, biết rồi*”; tại “Bản ghi âm H 2.m4a” V hỏi: “*400 ngày 18 tháng 4, cái này 3 ngàn rưỡi à*” thì được H8 trả lời “*Dạ, có 3 tháng cô trả rồi, 3 tháng*”.

Khoản vay này bà V đã đóng được 01 tháng (30 ngày) tiền lãi là 42.000.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 6.575.342 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **35.424.658** đồng. Tháng 5/2019 bà V nợ lãi. Đến tháng 6, 7/2019 bà V tiếp tục đóng được 61 ngày tiền lãi trên nợ gốc 400.000.000 đồng tương ứng số tiền 85.400.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 13.369.863 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **72.030.137** đồng. Tổng cộng H đã thu lợi bất chính tổng số tiền **107.454.795** đồng.

Tính đến ngày 30/11/2020, số tiền lãi mà Đinh Thị H nhằm thu được của bà V là **1.620.533.329** đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 123,178,082 đồng. Số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được là **1.497.355.247** đồng.

- **Khoản vay thứ 13:** Ngày 29/8/2019, bà V vay của H 300.000.000 đồng, H thừa nhận tại file ghi âm “Bản ghi âm H 1.m4a” phút thứ 27:13 “*Cái này của H, cái này ghi bản chính...*” “*29 tháng 8 năm 2019, đây chị ghi là chị ghi tên H luôn nè, chị mượn trực tiếp của em*”; lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày cũng được xác nhận tại “Bản ghi âm H 2.m4a” phút thứ 52:02 V nói “*ngày 29 tháng 8, đây, cái này là của H viết giấy cho H2*” H8 nói “*đúng rồi, cái này của bà H...cái này là 3 ngàn*”.

Khoản vay này bà V đã đóng được 31 ngày tiền lãi với số tiền là 27.900.000 đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định của nhà nước là 5.095.890 đồng, nên H đã thu lợi bất chính số tiền **22.804.110** đồng.

Tính đến ngày 30/11/2020, số tiền lãi mà Đinh Thị H nhằm thu được của bà V là **790.906.270** đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là 198.918.344 đồng. Số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được là **591.987.926** đồng.

- **Khoản vay thứ 14:** Ngày 10/9/2019, bà V vay của H số tiền 400.000.000 đồng. Bản dịch nội dung file “ngay 27.9.2020.mp4” tại phút thứ 06:41 H8 nói “400 triệu ngày 10 tháng 9 á”, H2 nói “cái này là chị mượn nè, cái này gốc nè, chứ không phải lãi đâu, chị mượn” và được H thừa nhận tại file ghi âm “Bản ghi âm H 1.m4a” phút thứ 27:31 H nói “400, mừng 10 tháng 9 năm 2019...của H luôn”; lãi suất H lấy 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương lãi suất là 109,5%/01 năm được H8 khẳng định tại “Bản ghi âm H 2.m4a” phút thứ 46:49 “Mừng 10 tháng 9 cô, tháng 9...cái đây là 3000” và phút thứ 48:17 “Giờ tờ 12, tờ 12 gốc là 400...lãi cái này là 3000”. Khoản vay này trả lãi cuối kỳ nên số tiền bà V thực nhận là **400.000.000** đồng và chưa trả được khoản lãi nào nên H chưa thu lợi được số tiền nào.

Tính đến ngày 30/11/2020, số tiền lãi mà Đinh Thị H nhằm thu được của bà V là **1.085.285.081** đồng. Lãi suất cao nhất theo quy định Nhà nước là **97.972.603** đồng. Số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được là **987.312.478** đồng.

Qua 5 khoản vay trên, bị cáo H đã thu lợi bất chính tổng số tiền **336.736.964 đồng**. Tổng số tiền thu lợi bất chính nhằm đạt được tính đến ngày 30/11/2020 là **4.786.557.653** đồng. Mặc dù các khoản vay này bà V vay của bị cáo H, nhưng giấy vay đều ghi vay của bị cáo H2, việc này bị cáo H2 biết và thống nhất gộp chung vào khoản nợ 16 tỷ đồng mà các bị cáo yêu cầu bà V ký vào ngày 18/10/2020, đồng thời cùng mong muốn thu lợi bất chính số tiền lãi. Do đó bị cáo H và H2 phải chịu trách nhiệm liên đới đối với toàn bộ số tiền thu lợi bất chính nêu trên. Xét lời khai nại của bị cáo H cho rằng 05 khoản vay trên bà V vay của bị cáo H2, bị cáo chỉ đứng tên giùm là không phù hợp với lời thoai xác nhận của chính bị cáo H trong bản ghi âm.

[3] Sau khi xem xét, thẩm tra, đánh giá đầy đủ, khách quan, toàn diện các tài liệu chứng cứ đã được thu thập, Hội đồng xét xử kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2017 đến ngày 10/9/2019, các bị cáo Đinh Thị H và Đinh Thị H2 đã cho bà Bùi Thị Hồng V vay 14 khoản với tổng số tiền **4.995.000.000** đồng. Trong đó, các khoản vay thứ 09, thứ 11, thứ 12, thứ 13, thứ 14 các bị cáo đã cho bà V vay tổng cộng **1.600.000.000** đồng với mức lãi suất từ 3.000 đồng đến 3.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, tương đương mức lãi suất từ 109,5%/01 năm đến 127,7%/01 năm, mục đích các bị cáo hướng đến là nhằm thu lợi bất chính tổng số tiền **4.786.557.653** đồng. Tính đến ngày 30/11/2020 các bị cáo đã thu lợi bất chính số tiền **336.736.964 đồng**.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Đinh Thị H và Đinh Thị H2 về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

2. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo đủ khả năng nhận thức được hành vi cho vay với mức lãi suất vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam tư lợi, các bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh, nhu cầu kinh tế của người đi vay để thực hiện hành vi phạm tội một cách tinh vi. Quá trình điều tra, truy tố các bị cáo khai báo quanh co, không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, liên tục kêu oan, chỉ đến tại phiên tòa các bị cáo mới tự nguyện khai báo, nhận tội, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tù đối với các bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[5] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Đinh Thị H, là Đảng viên, công chức công tác trong ngành bảo vệ pháp luật nhưng lại lợi dụng hiểu biết đó trực tiếp cho vay tiền với các khoản lãi suất vượt quá quy định, trong 5 khoản vay trên đều là các khoản bà V vay của bị cáo H nhưng né tránh việc bị phát hiện bằng cách yêu cầu bà V viết giấy vay cho bị cáo H2, tìm cách để bị cáo H2 thực hiện hoạt động cho vay mà không bị cơ quan chức năng phát hiện. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, làm giảm uy tín của Đảng, niềm tin của nhân dân vào những cán bộ làm công tác bảo vệ pháp luật. Còn bị cáo Đinh Thị H2, tuy các khoản vay lãi nặng là của bị cáo H nhưng toàn bộ quá trình cho bà V vay tiền bị cáo đều rất tích cực, đứng tên cho vay đối với tất cả các khoản, trực tiếp thu tiền lãi, cùng nhau đến nhà uy hiếp bà V viết giấy xác nhận gộp lãi vào gốc bao gồm cả các khoản vay của H, tổng cộng 16 tỷ đồng, sau đó sử dụng giấy vay này để khởi kiện yêu cầu bà V, anh K1 trả nợ. Như vậy, vai trò của các bị cáo là như nhau nên cần áp dụng hình phạt tù và xử phạt các bị cáo mức án ngang bằng nhau là phù hợp.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thu lợi bất chính từ 05 khoản vay với số tiền đều trên 30.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Mặc dù, tại phiên tòa các bị cáo mới thành khẩn, tự nguyện khai báo một phần hành vi phạm tội, nhận thức được hành vi là trái pháp luật nhưng cũng cần áp dụng tình giảm nhẹ cho các bị cáo; mỗi bị cáo tự nguyện nộp 10.000.000 đồng một phần tiền thu lợi bất chính để trả lại cho bà V bồi thường một phần thiệt hại; bà V cũng có một phần lỗi vì đã tự nguyện thỏa thuận trả lãi suất cao tạo điều kiện, cơ hội thuận lợi để các bị cáo thực hiện hành vi

phạm tội đồng thời vi phạm nghĩa vụ trả nợ, gây bức xúc cho các bị cáo trong khi các bị cáo phải vay nhiều người khác nên cũng phải chịu nhiều áp lực; bố các bị cáo là ông Đinh Văn P được tặng Huân chương kháng chiến hạng ba, mẹ là bà Nguyễn Thị L được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Do đó, cần áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; riêng bị cáo H trong quá trình công tác được tặng Kỷ niệm chương vì sự nghiệp Kiểm sát, Liên đoàn lao động tỉnh Đ chứng nhận giỏi việc nước đảm việc nhà nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét việc áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là đã có phần nghiêm khắc, đủ tính răn đe, giáo dục các bị cáo nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[9] Về xử lý vật chứng: Theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thì số tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm xử lý như sau:

- Truy thu sung quỹ nhà nước:

- + Của bà Bùi Thị Hồng V số tiền 1.600.000.000 đồng tổng của các khoản thứ 9, 11, 12, 13, 14 mà các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 cho bà V vay nhưng bà V chưa trả.

- + Của các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất (20%/ năm) mà các bị cáo đã thu được của bà V là **69.643.836** đồng.

- Buộc các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 phải trả lại cho bà V tiền thu lợi bất chính đã thu của bà V là **336.736.964 đồng**.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại:

- + 01 USB nhãn hiệu SanDisk cho ông Nguyễn Trọng H1 nhận quản lý, sử dụng.

- + 01 ổ cứng nhãn hiệu Seagate; 01 đĩa CD nhãn hiệu Spark, trên mặt có ghi chữ “ghi âm” và 01 đĩa CD nhãn hiệu Forever, trên mặt có ghi chữ “24/9” cho bị cáo Đinh Thị H.

- + 01 Quyết định nâng lương thường xuyên và 01 Bằng Thạc sĩ cho ông Thái Hữu H6.

- Trả lại các tài sản sau do không liên quan đến hành vi phạm tội:

- + Trả cho bà Bùi Thị Hồng V chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus.

- + Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh bị cáo H2 mua tháng 8/2023 và chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu đen của bị cáo H2 không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo, nhưng cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14, màu tím của bị cáo Đinh Thị H, thấy rằng điện thoại Iphone 14 ra mắt vào tháng 10/2022, bị cáo H xuất trình biên lai mua tháng 10/2023, thời điểm này toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo H đã được thực hiện xong và bị bà V làm đơn tố cáo vào tháng 10/2020, do đó lời khai của bị cáo H là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để bảo đảm công tác thi hành án.

- Đối với số tiền đã thu giữ của các bị cáo Đinh Thị H 180.000.000 đồng, Đinh Thị H2 10.000.000 đồng không liên quan hành vi phạm tội, cần trả cho các bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với các đồ vật, tài liệu có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo, thì đề nghị tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với các thẻ Đảng viên, thẻ Điều tra hình sự thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã có văn bản thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

- Xét một số giấy vay tiền không liên quan đến hành vi phạm tội mà là các giao dịch dân sự nên cần tuyên trả cho bị cáo Đinh Thị H2: Bản gốc Giấy nhận tiền ngày 09/6/2023 có nội dung Hoàng Phong L2 có nhận số tiền 35.000.000 đồng. Trả cho bị cáo Đinh Thị H: Bản gốc các Giấy vay tiền ngày 11/10/2023 có nội dung H Mi Chan N vay của Bùi Văn T2 số tiền 300.000.000 đồng; Giấy mượn tiền ngày 01/9/2020 có nội dung Y L Byã có mượn của Đinh Thị H2 số tiền 200.000.000 đồng; Giấy đề ngày 13/8/2018 có nội dung Đinh Tấn L3 vay của H số tiền 70.000.000 đồng; Giấy xác nhận mượn tiền ngày 21/5/2018 của bà Đỗ Thị Kim A có nội dung Đinh Thị H và Đỗ Thị Kim A cho bà V mượn số tiền 100.000.000 đồng; Giấy xác nhận ngày 19/12/2020 giữa Đinh Thị H và Đỗ Thị Kim A có nội dung hai bên không vay mượn gì; Giấy mượn tiền ngày 16/9/2017 có nội dung Đỗ Thị Kim A, Lê Ngọc C mượn của Đinh Thị H số tiền 50.000.000 đồng.

Ngoài ra, quá trình điều tra Cơ quan điều tra còn thu giữ một số giấy vay tiền nhưng không liên quan đến vụ án, chưa làm rõ nhân thân lai lịch của một số người có tên trong các giấy vay mượn và đang tiếp tục điều tra, khi nào giải quyết xong Cơ quan điều tra sẽ xử lý theo quy định.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với khoản vay thứ 01 đến khoản vay thứ 8 và khoản vay thứ 10, các bị cáo H, H2 cho bà V vay nhưng mức lãi suất dưới 100%/ năm là giao dịch dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, cần tách thành vụ kiện dân sự, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật dân sự.

[11] Về án phí: Các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[12] Về các vấn đề khác:

- Trong vụ án này, quá trình điều tra xác định bị cáo Đinh Thị H2 còn cho bà Trần Thị Xuân L4 Byã vay tiền có lãi suất vượt 100%/01 năm. Tuy nhiên, bà L4

không xác định được thời gian vay, thời gian trả tiền gốc, tiền lãi, số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng và Cơ quan điều tra không chứng minh được hành vi phạm tội.

- Đối với việc ông Y P Kbuôr có vay của bị cáo Đinh Thị H 02 khoản vay với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Quá trình trả hồ sơ điều tra bổ sung ông Y P Kbuôr khai báo không nhớ rõ số tiền lãi đã trả cho bị cáo H, ngoài ra không có giấy tờ, tài liệu chứng minh việc trả tiền lãi suất giữa ông Y P Kbuôr và bị cáo H.

- Ngoài việc cho vay tiền với mức lãi suất vượt 100%/01 năm, thì các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 còn cho một số người khác vay tiền với mức lãi suất dưới 100%/01 năm, hoặc không lấy tiền lãi, nên không vi phạm vào Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không đề cập xử lý các hành vi trên là phù hợp.

- Đối với Đinh Thị H8, Đinh Thị H7 được bị cáo H và bị cáo H2 nhờ chuyển tiền giúp vào tài khoản của anh K1, H8 và H7 không thu lợi từ việc được nhờ chuyển tiền, tại phiên tòa bà V xác định không vay tiền của H8 và H7, giao dịch giữa các bị cáo với H8, H7 đã tự giải quyết với nhau. H8, H7 không có hành vi giúp sức cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Ngoài ra, H8 là người giúp tính tiền lãi theo các bảng kê, giải thích phương pháp tính lãi cho các bên, tuy nhiên thời điểm này hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo H, H2 đã được thực hiện nhiều năm trước, sau khi quá hạn không trả được nợ thì các bên tính toán chốt lại số nợ, H8 không có lợi ích gì. Ngoài ra, do bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ (kể cả nợ gốc) nên các bị cáo bức xúc, có những lời nói gây áp lực để bà V trả nợ, H8, H7 không có hành vi nào khác, không có thái độ hành động gì. Do đó, Đinh Thị H7, Đinh Thị H8 không có vai trò đồng phạm về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Ngoài ra, các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2, Đinh Thị H8 và Lê Phú H3 đã có lời lẽ bức xúc buộc bà Bùi Thị Hồng V ký vào giấy vay số tiền 16.000.000.000 đồng và buộc ông Thái Hữu H6 phải trả tiền vay. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra chưa đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi Cưỡng đoạt tài sản của các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2, Đinh Thị H8 và Lê Phú H3 nên tách ra xử lý sau là phù hợp.

- Về việc ông Thái Hữu H6 tố cáo các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 cho vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 06/7/2020, thời hạn vay 02 tháng với tổng số tiền lãi là 60.000.000 đồng. Quá trình Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không thu thập được thêm giấy tờ, tài liệu chứng minh việc vay, trả tiền giữa ông Thái Hữu H6 với các bị cáo. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định tách các hành vi và tài liệu liên quan trên để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau là có căn cứ.

- Xét Cáo trạng xác định số tiền lãi các bị cáo thu lợi bất chính chưa phù hợp. bởi lẽ, cách tính lãi theo cách thức gốc cộng lãi hàng tháng, rồi lãi hàng tháng được cộng vào gốc thành gốc và cứ thế tiếp tục tính lãi (lãi kép) nên cần tính lại cho phù hợp với sự thật khách quan mà các bên đã thỏa thuận.

- Xét Luật sư bào chữa của bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo H là không phù hợp. Vì, theo tinh thần quy định tại Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP và Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP. Theo đó, “*người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu học tập hoặc công tác là người được tặng thưởng huân chương, huy chương, bằng khen, bằng lao động sáng tạo hoặc có sáng chế phát minh có giá trị lớn hoặc nhiều năm được công nhận là chiến sỹ thi đua...*”, Bị cáo H chỉ được tặng kỷ niệm chương nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đinh Thị H và bị cáo Đinh Thị H2 mỗi bị cáo: **11 (mười một) tháng 17 (mười bảy) ngày tù**, các bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/11/2023 đến ngày 06/11/2024. Các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự:

Tách các khoản vay thứ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 giữa bà Bùi Thị Hồng V với các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của Bộ luật dân sự.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

[3.1] Truy thu sung quỹ nhà nước liên đới của các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất (20%/ năm) mà các bị cáo đã thu được của bà Bùi Thị Hồng V là 69.643.836 đồng (*Sáu mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*).

[3.2] Truy thu sung quỹ nhà nước của của bà Bùi Thị Hồng V số tiền gốc các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 cho bà V vay nhưng bà V chưa trả tại các khoản thứ 9, 11, 12, 13, 14 tổng cộng là 1.600.000.000 đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*).

[3.3] Buộc các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 liên đới trả lại cho bà Bùi Thị Hồng V tiền thu lợi bất chính các bị cáo đã thu là 336.736.964 đồng, mỗi bị cáo được khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) do bà Đinh Thị H8 nộp thay tại biên lai thu tiền số 0002105 và 0002106 cùng ngày 20/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Các bị cáo còn phải liên đới trả 316.736.964 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi tư đồng*).

[3.4] Trả lại các tài sản sau do không liên quan đến hành vi phạm tội:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, số I 353819087256257 cho bà Bùi Thị Hồng V;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14, màu tím (đã bị khoá) cho bị cáo Đinh Thị H nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell, màu đen, số Seri BJ5Z2F2-25103497214 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh, số Imei 1: 861042061739355, số Imei 2: 861042061739348, gắn 02 sim điện thoại nhà mạng Vinaphone cho bị cáo Đinh Thị H2 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Trả cho bị cáo Đinh Thị H2: Bản gốc Giấy nhận tiền ngày 09/6/2023 có nội dung Hoàng Phong L2 có nhận số tiền 35.000.000 đồng.

- Trả cho bị cáo Đinh Thị H: Bản gốc Giấy vay tiền ngày 11/10/2023 có nội dung H Mi Chan N vay của Bùi Văn T2 số tiền 300.000.000 đồng; Giấy mượn tiền ngày 01/9/2020 có nội dung Y L Byă có mượn của Đinh Thị H2 số tiền 200.000.000 đồng; Giấy đề ngày 13/8/2018 có nội dung Đinh Tấn L3 vay của H số tiền 70.000.000 đồng; Giấy xác nhận mượn tiền ngày 21/5/2018 của bà Đỗ Thị Kim A có nội dung Đinh Thị H và Đỗ Thị Kim A cho bà V mượn số tiền 100.000.000 đồng; Giấy xác nhận ngày 19/12/2020 giữa Đinh Thị H và Đỗ Thị Kim A có nội dung hai bên không vay mượn gì; Giấy mượn tiền ngày 16/9/2017 có nội dung Đỗ Thị Kim A, Lê Ngọc C mượn của Đinh Thị H số tiền 50.000.000 đồng.

[3.5] Tuyên trả cho bị cáo Đinh Thị H số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*) và của bị cáo Đinh Thị H2 số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nhưng vẫn tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án theo Giấy nộp tiền mặt ngày 28/5/2024 vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

(Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/5/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

[3.6] Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã trả lại:

+ 01 USB nhãn hiệu SanDisk cho ông Nguyễn Trọng H1

+ 01 ổ cứng nhãn hiệu Seagate; 01 đĩa CD nhãn hiệu Spark, trên mặt có ghi chữ “ghi âm” và 01 đĩa CD nhãn hiệu Forever, trên mặt có ghi chữ “24/9” cho bị cáo Đinh Thị H.

+ 01 Quyết định nâng lương thường xuyên và 01 Bằng Thạc sĩ cho ông Thái Hữu H6.

[3.7] Đối với các đồ vật, tài liệu có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội của các bị cáo thì tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[3.8] Đối với các thẻ Đảng viên, thẻ Điều tra hình sự, thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã có văn bản thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan để xử lý theo quy định của pháp luật.

[3.9] Đối với một số giấy vay tiền thu giữ trong quá trình khám xét nhưng không liên quan đến vụ án, chưa làm rõ nhân thân lai lịch của một số người có tên trong các giấy vay mượn và đang tiếp tục điều tra, khi nào giải quyết xong Cơ quan điều tra sẽ xử lý theo quy định.

[4] **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Đinh Thị H, Đinh Thị H2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Các bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu HCTP, VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

Lê Thị Thanh Huyền